

Cập nhật KQKD ngành Ngân hàng 6 tháng đầu năm 2026: Nguồn thu cốt lõi cải thiện, đà giảm NIM thu hẹp, cân trọng với chất lượng tài sản

Lợi nhuận trước thuế của 27 ngân hàng niêm yết trong phạm vi phân tích của chúng tôi tăng 19.6% svck trong 6 tháng đầu năm 2026, được hỗ trợ bởi thu nhập lãi thuần, sự phục hồi mạnh mẽ của thu nhập dịch vụ và kiểm soát tốt chi phí hoạt động. Nhìn chung, kết quả tích cực diễn ra trên diện rộng với 22/27 ngân hàng ghi nhận mức tăng trưởng dương, mặc dù sự phân hóa vẫn tiếp diễn và tập trung chủ yếu ở nhóm ngân hàng quy mô vừa và nhỏ. Các xu hướng đáng chú ý bao gồm:

- **Tín dụng tăng trưởng mạnh và tiếp tục phân hóa:** Tăng trưởng tín dụng đạt 7.7% kể từ đầu năm, thấp hơn mức 9.9% cùng kỳ năm 2025, nhưng cao hơn bình quân 6.9% giai đoạn 2023 – 2025. Tăng trưởng tập trung chủ yếu tại nhóm NHTMCP quy mô lớn, dẫn đầu bởi VPB, HDB, TCB và MBB. Nhu cầu tín dụng tiếp tục nghiêng về khách hàng doanh nghiệp và cho vay trung dài hạn, trong khi tín dụng bán lẻ phục hồi chậm hơn.
- **Đà giảm NIM thu hẹp dần nhưng tín hiệu phục hồi chưa rõ rệt:** NIM giảm 5 điểm cơ bản so với cuối năm trước xuống 3.02%, nhưng mức độ giảm đã thu hẹp còn 2 điểm cơ bản trong Q2.2026. Lợi suất cho vay cải thiện khi các khoản vay mua nhà hết thời gian ưu đãi được tái định giá tốt hơn, đồng thời tín dụng trung dài hạn tiếp tục tăng nhanh hơn tín dụng ngắn hạn. Tuy vậy, mặt bằng lãi suất huy động cao, cạnh tranh giữa các ngân hàng và việc giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ nền kinh tế vẫn khiến NIM khó phục hồi rõ rệt trong nửa cuối năm 2026.
- **Các ngân hàng tích cực đa dạng hóa nguồn vốn trong bối cảnh nhu cầu vốn tăng mạnh:** Tăng trưởng tiền gửi khách hàng đạt 5.5%, trong khi quy mô phát hành giấy tờ có giá tăng mạnh 16.7% kể từ đầu năm đã bù đắp phần nào chênh lệch giữa tăng trưởng tín dụng và huy động. Đồng thời một số ngân hàng (VPB, HDB) đã tăng cường tiếp cận nguồn vốn quốc tế.
- **Thu nhập HĐ dịch vụ trở thành điểm sáng của lợi nhuận:** Tổng thu nhập hoạt động tăng 17.1% svck, được hỗ trợ bởi thu nhập lãi thuần (+16.8%) và đặc biệt là thu nhập từ HĐ dịch vụ phục hồi ấn tượng (+58%). Ngược lại, thu từ kinh doanh ngoại hối và chứng khoán giảm mạnh do điều kiện thị trường không thuận lợi. Thu từ các hoạt động không cốt lõi khác (chủ yếu thu hồi nợ xấu đã xử lý) vẫn tăng trưởng tích cực (+31% svck).
- **Chất lượng tài sản suy giảm và bộ đệm dự phòng thu hẹp:** tỷ lệ nợ xấu toàn ngành tăng lên 2.01% từ 1.86%, nợ nhóm 2 tăng lên 1.38% từ 1.16% cuối năm 2025. Nợ xấu và nợ nhóm 2 tăng tập trung nhiều hơn tại nhóm NHTM quốc doanh và NHTMCP quy mô lớn. Trong khi đó, LLR giảm từ 83% xuống 79%, khiến áp lực trích lập dự phòng có thể gia tăng trong nửa cuối năm 2026 nếu xu hướng hình thành nợ xấu tiếp tục gia tăng.
- **Chi phí hoạt động tiếp tục được kiểm soát tốt:** CIR giảm từ 32.1% cuối năm 2025 xuống còn 31.1%, qua đó hỗ trợ đáng kể cho tăng trưởng lợi nhuận bên cạnh các nguồn thu khác đang cải thiện.

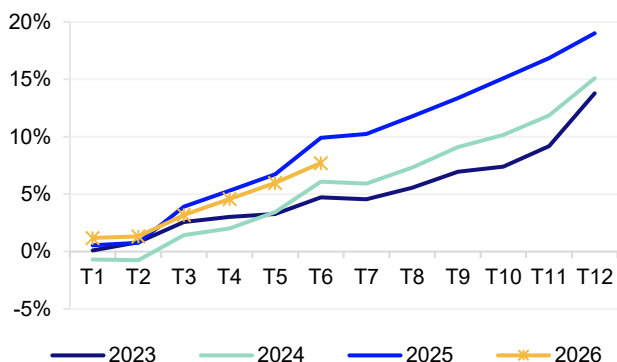
Tín dụng tăng trưởng mạnh, động lực ngày càng tập trung vào ngân hàng lớn và phân khúc khách hàng doanh nghiệp

Tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống đạt 7.7% kể từ đầu năm, thấp hơn mức 9.9% trong 6 tháng đầu năm 2025. Mức độ phân hóa về tăng trưởng tín dụng vẫn tiếp diễn, với nhóm NHTMCP quy mô lớn tiếp tục tăng vượt trội (+13.7%) và tập trung tại các ngân hàng VPB (+23.2%), HDB (+21.8%), TCB (+15.2%) và MBB (+13.2%)

Cơ cấu tín dụng theo ngành nghề, nhu cầu tiếp tục tập trung ở các lĩnh vực là động lực truyền thống bao gồm thương mại, sản xuất, xây dựng, kinh doanh bất động sản và dịch vụ tài chính. Tín dụng xây dựng duy trì gia tăng đáng kể tại nhiều ngân hàng, được thúc đẩy bởi nhu cầu tài trợ các dự án hạ tầng, nổi bật là TCB, VIB và VAB với mức tăng trưởng lần lượt 56.3%, 41.9% và 39.6% so với cuối năm 2025. Ở lĩnh vực kinh doanh bất động sản, chiến lược cho vay giữa các ngân hàng có sự phân hóa: MBB, VPB, TPB và VIB tiếp tục tăng tốc mạnh mẽ cho vay lĩnh vực này với mức tăng lần lượt 38.2%, 42.6%, 54.5% và 57.9%, trong khi SHB (+8.1%) và TCB (+2.6%) tăng trưởng chậm lại. Tuy vậy, xét trên phạm vi 13 ngân hàng đã công bố chi tiết số liệu, tín dụng kinh doanh bất động sản tăng mạnh 21% kể từ đầu năm, trong khi cho vay mua nhà có sự chững lại, phản ánh nhu cầu vốn tiếp tục tập trung ở các chủ đầu tư/kinh doanh hơn là nhu cầu ở thực. Cho vay ngành dịch vụ tài chính (chủ yếu tại các công ty chứng khoán) cũng ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng tại LPB (+201%), SHB (+166%), MBB (+40.2%).

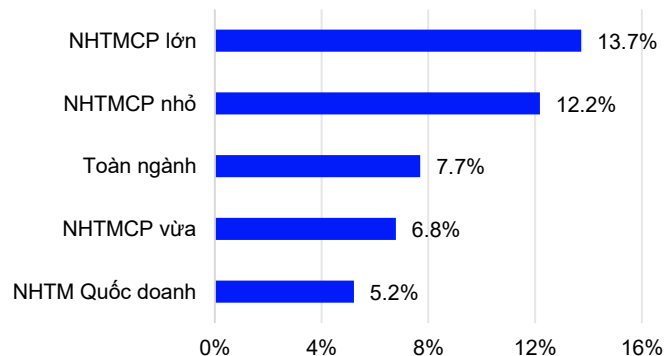
Nhu cầu tín dụng tiếp tục có sự thiên lệch giữa kỳ hạn vay và phân khúc khách hàng. Tín dụng trung và dài hạn tiếp tục tăng trưởng vượt trội hơn hẳn so với tín dụng ngắn hạn quý thứ 5 liên tiếp. Lũy kế 6 tháng đầu năm, dư nợ cho vay trung và dài hạn tăng 11.1%, trong khi tăng trưởng tín dụng ngắn hạn ở mức 6.9%. Điều này đã góp phần hạn chế đà giảm NIM tại các ngân hàng trong bối cảnh chi phí vốn tăng. Theo phân khúc khách hàng, tăng trưởng tín dụng tiếp tục được dẫn dắt chủ yếu bởi khách hàng doanh nghiệp, đặc biệt là nhóm doanh nghiệp lớn và FDI, trong khi nhu cầu bán lẻ vẫn phục hồi tương đối chậm. Một trong những nguyên nhân đến từ mảng cho vay mua nhà có sự tăng trưởng chậm lại khi lãi suất vay mua nhà tăng mạnh (hiện phổ biến ở vùng 12 – 15%/năm), trong khi nguồn cung căn hộ vừa túi tiền còn hạn chế trong nửa đầu năm 2026.

Biểu đồ 1. Tăng trưởng tín dụng so với đầu năm, toàn hệ thống ngân hàng



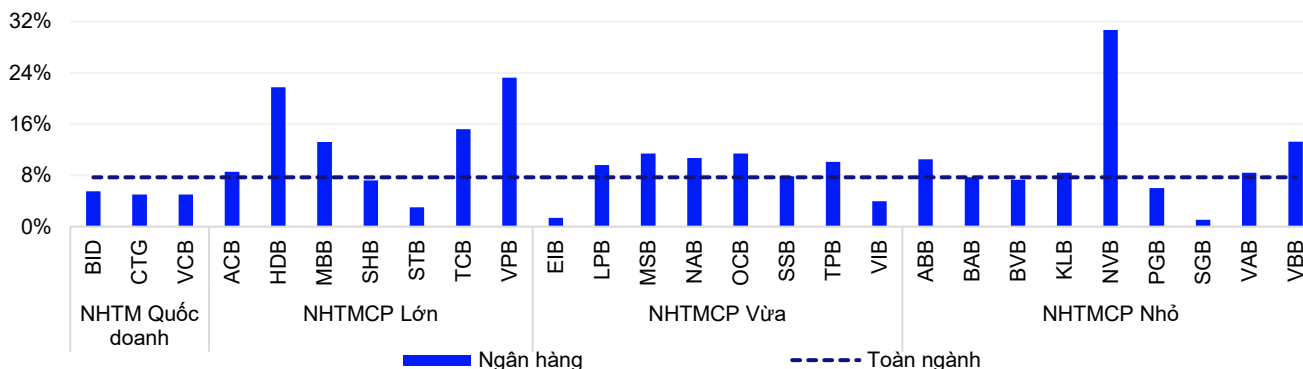
Nguồn: NHNN, S&I Ratings

Biểu đồ 2. Tăng trưởng tín dụng so với đầu năm, theo nhóm ngân hàng



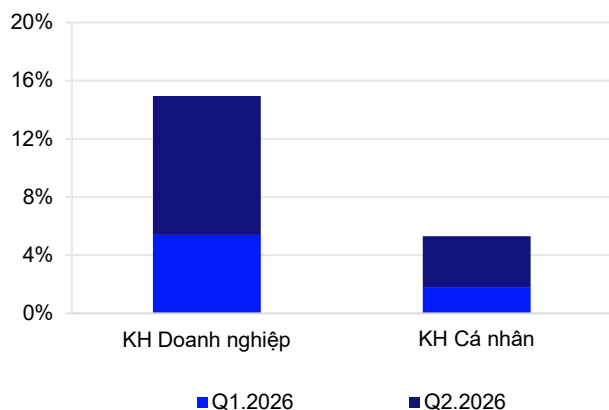
Nguồn: NHNN, S&I Ratings

Biểu đồ 3. Tăng trưởng tín dụng 6 tháng đầu năm, 27 ngân hàng niêm yết



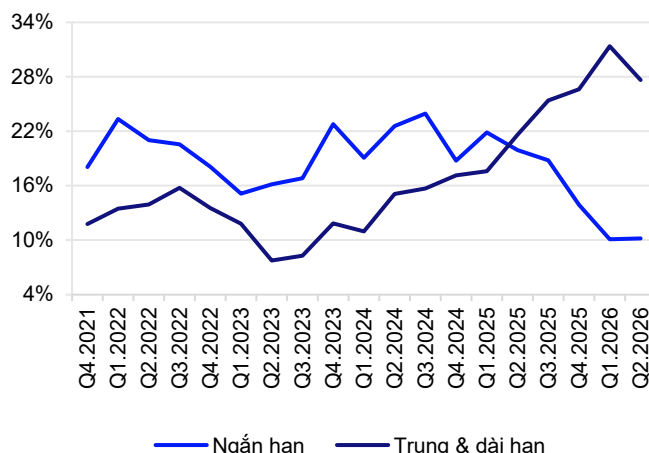
Nguồn: S&I Ratings

Biểu đồ 4. Tăng trưởng tín dụng so với đầu năm theo phân khúc khách hàng, một số ngân hàng



Ghi chú: Dữ liệu bao gồm ngân hàng ACB, BVB, CTG, HDB, KLB, LPB, MBB, MSB, PGB, SHB, SSB, TCB, TPB, VIB và VPB
Nguồn: S&I Ratings

Biểu đồ 5. Tăng trưởng tín dụng theo kỳ hạn, tổng hợp 27 ngân hàng niêm yết



Nguồn: S&I Ratings

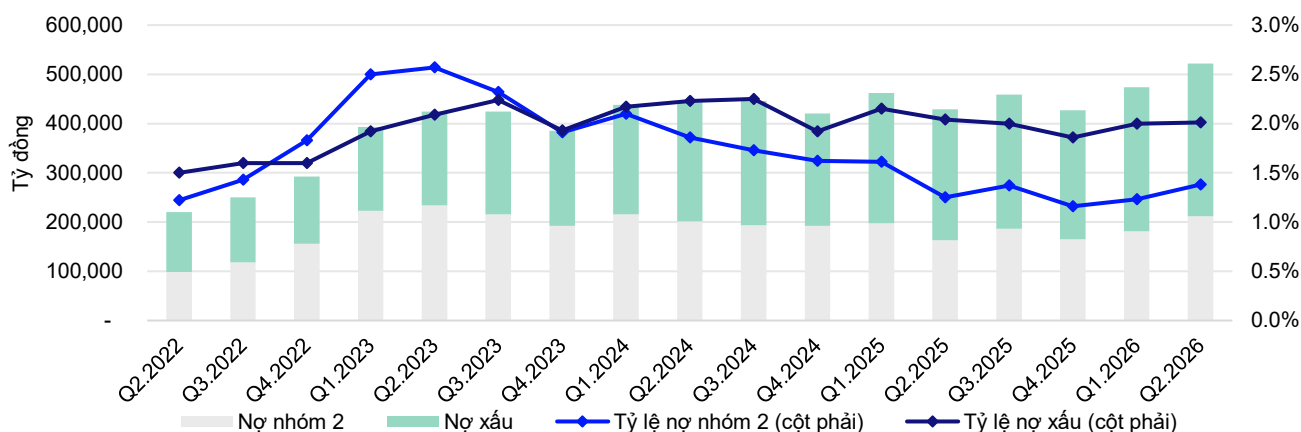
Chất lượng tài sản và bộ đệm dự phòng suy giảm

Tỷ lệ nợ xấu tại 27 ngân hàng niêm yết tăng nhẹ từ 1.86% cuối năm 2025 lên 2.01% cuối Q2.2026, tương đương tăng 15 điểm cơ bản, nhưng gần như đi ngang so với Q1.2026 (2%). Xét theo quy mô, nợ xấu tăng 17.5% trong 6 tháng đầu năm, gần gấp đôi tốc độ tăng 9% của dư nợ tín dụng. Diễn biến nợ xấu có xu hướng phân hóa giữa các nhóm ngân hàng, với mức tăng chủ yếu tại các ngân hàng quốc doanh và NHTMCP quy mô lớn, lần lượt tăng 18 và 13 điểm cơ bản so với cuối năm 2025. Trong đó, STB (+113 điểm cơ bản), BID (+36 điểm cơ bản) và HDB (+35 điểm cơ bản) là các ngân hàng dẫn đầu về mức tăng tỷ lệ nợ xấu.

Đáng chú ý, nợ nhóm 2 – chỉ báo sớm của nợ xấu – cũng tiếp tục gia tăng. Tỷ lệ nợ nhóm 2 tăng 22 điểm cơ bản so với cuối năm trước, lên 1.38% trong Q2.2026. Áp lực chủ yếu tập trung tại nhóm NHTMCP quy mô lớn, trong đó STB và HDB ghi nhận mức tăng mạnh nhất, lần lượt 191 và 126 điểm cơ bản. Theo quan điểm của chúng tôi, diễn biến nợ xấu và nợ nhóm 2 tăng tập trung tại các ngân hàng có danh mục cho vay phân tán/chuyên cho vay bán lẻ và doanh nghiệp SME phản ánh: (1) bối cảnh kinh doanh còn nhiều khó khăn, đặc biệt đối với các doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa, (2) cầu tiêu dùng chưa phục hồi hoàn toàn trong bối cảnh mặt bằng lãi suất tăng cao.

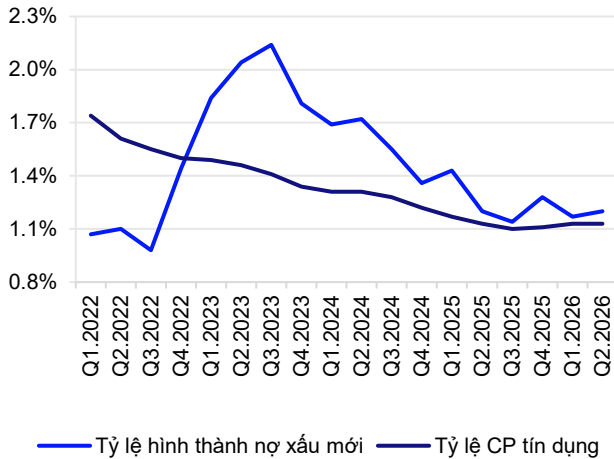
Bộ đệm dự phòng tiếp tục thu hẹp, với tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) giảm còn 79% trong Q2.2026 từ 83% cuối năm 2025. Mức giảm tập trung chủ yếu tại các ngân hàng quốc doanh, trong khi phần lớn các ngân hàng còn lại tương đối ổn định. BID và CTG ghi nhận mức giảm LLR đáng kể, lần lượt từ khoảng 100% xuống 76% và từ 159% xuống 134%. Đáng chú ý, chi phí tín dụng vẫn duy trì quanh 1.1% trong bối cảnh nợ xấu và nợ nhóm 2 gia tăng, khiến tỷ lệ bao phủ nợ xấu tiếp tục suy giảm.

Biểu đồ 6. Diễn biến chất lượng tài sản, tổng hợp 27 ngân hàng niêm yết



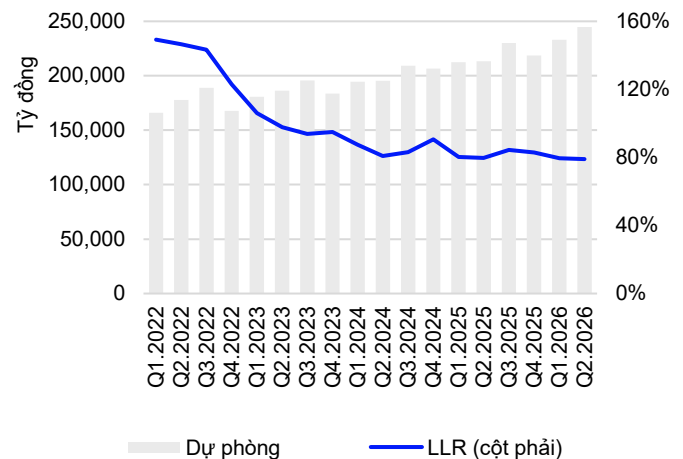
Nguồn: S&I Ratings

Biểu đồ 7. Tỷ lệ hình thành nợ xấu mới so với chi phí tín dụng (trượt 4 quý), tổng hợp 27 ngân hàng niêm yết



Nguồn: S&I Ratings

Biểu đồ 8. Quy mô dự phòng và tỷ lệ LLR, tổng hợp 27 ngân hàng niêm yết



Nguồn: S&I Ratings

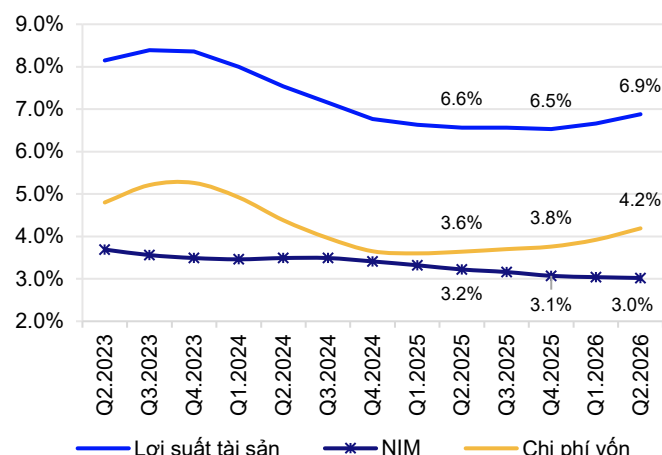
Đà giảm NIM thu hẹp dần khi lợi suất cho vay cải thiện, nhưng chi phí vốn vẫn gây áp lực

NIM (trượt 4 quý) của 27 ngân hàng niêm yết giảm nhẹ 5 điểm cơ bản so với cuối năm 2025 và giảm 2 điểm cơ bản so với quý trước, xuống 3.02% cuối Q2.2026. Đáng chú ý, tốc độ thu hẹp NIM đã chậm lại trong hai quý gần đây (so với mức giảm bình quân khoảng 9 điểm cơ bản mỗi quý trong năm 2025), phản ánh khả năng NIM đang tiến gần vùng đáy. Tuy vậy, sự phân hóa cũng xuất hiện đối với diễn biến NIM toàn ngành: ngoại trừ nhóm NHTM quốc doanh cải thiện 8 điểm cơ bản so với cuối năm trước, các nhóm ngân hàng còn lại vẫn ghi nhận NIM suy giảm, với NHTMCP quy mô lớn giảm 18 điểm cơ bản, NHTMCP quy mô vừa giảm 15 điểm cơ bản và NHTMCP quy mô nhỏ giảm 9 điểm cơ bản so với cuối năm trước. Một số diễn biến đáng chú ý tác động đến NIM bao gồm:

- Cải thiện chênh lệch lợi suất cho vay – chi phí huy động tại nhóm NHTM quốc doanh: là yếu tố chính giúp NIM nhóm này đảo chiều phục hồi trong nửa đầu năm 2026. Theo đó, lợi suất cho vay tăng 45 điểm cơ bản, trong khi chi phí huy động chỉ tăng 27 điểm cơ bản so với cuối năm trước. Ngược lại, mặc dù các ngân hàng còn lại cũng ghi nhận lợi suất cho vay cải thiện, nhưng chi phí huy động tăng cao hơn là nguyên nhân khiến NIM các ngân hàng này vẫn tiếp tục suy giảm. Điều này hàm ý hầu hết các ngân hàng đã phải tăng cường huy động với chi phí cao hơn để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng. Ngoài ra, lợi thế về quy mô CASA/tiền gửi 'ổn định' đã giúp các ngân hàng quốc doanh tăng khả năng chống chịu trước biến động lãi suất, từ đó hỗ trợ NIM.
- Các khoản cho vay mua nhà hết thời hạn ưu đãi lãi suất: Các khoản vay mua nhà hết thời gian ưu đãi lãi suất và chuyển sang lãi suất thả nổi, với mức phổ biến 12–15%/năm, qua đó góp phần giúp lợi suất tài sản tại nhiều ngân hàng cải thiện.
- Các ngân hàng tiếp tục tối ưu tỷ lệ LDR và dịch chuyển cơ cấu tín dụng với kỳ hạn cho vay dài hơn để hỗ trợ NIM: Trong phạm vi 27 ngân hàng niêm yết, LDR điều chỉnh tiếp tục tăng lên 101.2% từ mức 100.7% của Q1.2026 và 99.1% cuối năm 2025. Đồng thời, dư nợ cho vay trung và dài hạn tăng 11.1% kể từ đầu năm, vượt trội hơn mức tăng 6.9% của dư nợ cho vay ngắn hạn. Những yếu tố này đã giúp các ngân hàng hạn chế đà thu hẹp của NIM trong nửa đầu năm 2026.

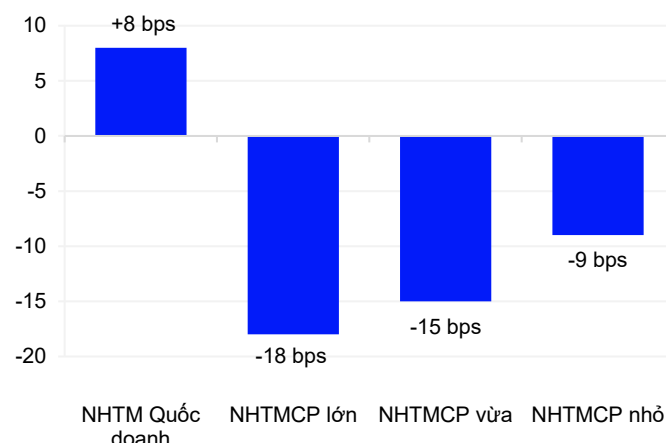
Nhìn chung, mặc dù lợi suất cho vay cải thiện trên diện rộng nhưng sự phục hồi NIM chỉ tập trung ở khối quốc doanh, trong khi các nhóm ngân hàng còn lại vẫn tiếp tục suy giảm trước áp lực chi phí vốn tăng. Do đó, liệu NIM có tiếp tục thu hẹp tốc độ giảm trong các quý tới hay không vẫn phụ thuộc các biến số diễn biến chi phí vốn, sự cạnh tranh giữa các ngân hàng và mức độ giảm lãi suất để hỗ trợ nền kinh tế. Trong bối cảnh các yếu tố này chưa khởi sắc rõ nét trở lại, theo quan điểm của chúng tôi, NIM nhiều khả năng vẫn chịu sức ép và tiếp tục dao động về vùng quanh 3.0% vào cuối năm nay.

Biểu đồ 9. Diễn biến NIM (trượt 4 quý), tổng hợp 27 ngân hàng niêm yết



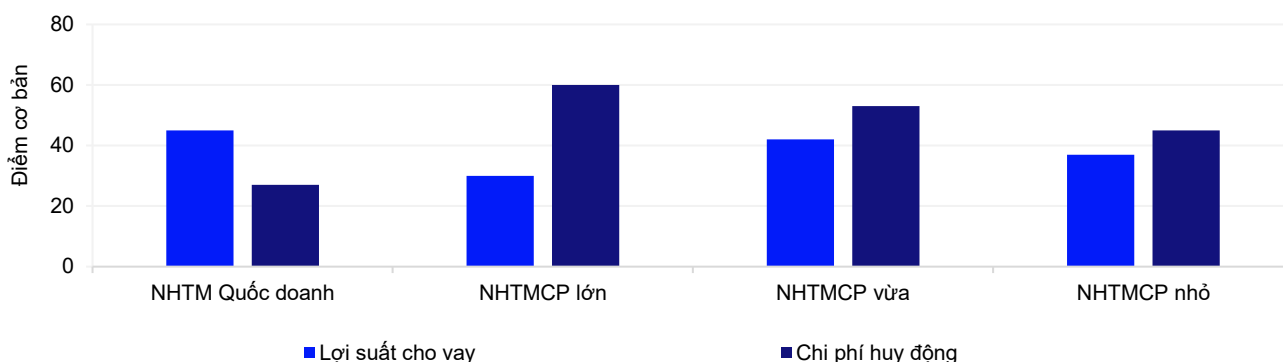
Nguồn: S&I Ratings

Biểu đồ 10. Thay đổi của NIM so với đầu năm, theo nhóm ngân hàng



Nguồn: S&I Ratings

Biểu đồ 11. Thay đổi của lợi suất cho vay và chi phí huy động so với đầu năm, theo nhóm ngân hàng



Nguồn: S&I Ratings

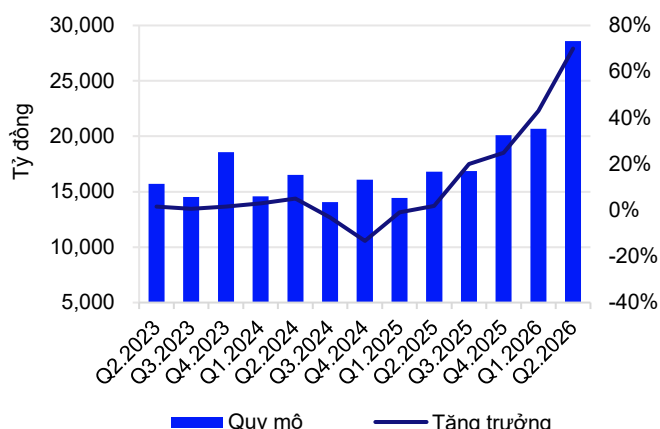
Thu nhập dịch vụ tăng trưởng ấn tượng, các nguồn thu kinh doanh ngoại hối và chứng khoán sụt giảm mạnh

Lũy kế 6 tháng đầu năm, tổng thu thuần từ hoạt động dịch vụ toàn ngành đạt 80.2 nghìn tỷ đồng (tăng 58% so với cùng kỳ), trở thành điểm sáng trong cơ cấu thu nhập. Tăng trưởng có sự biến động lớn trong toàn ngành, với mức tăng đột biến tại STB (+140% svck) nhờ nguồn thu phí mới đến từ chiến lược hợp tác và phục vụ nhu cầu hệ sinh thái khách hàng như thu chi hộ, quản lý dòng tiền và phí L/C, và tại VIB (+294% svck) nhờ thu từ dịch vụ thanh toán tăng bất thường (+264% svck). Ngoại trừ một số ngân hàng quy mô nhỏ hơn có thu nhập HĐ dịch vụ suy giảm đáng kể (như BVB -295% svck, EIB -80% svck), phần lớn các ngân hàng còn lại đều ghi nhận tăng trưởng tích cực và được hỗ trợ bởi các nguồn thu chính như dịch vụ thanh toán, phí bảo hiểm và thư tín dụng.

Trái ngược với diễn biến tích cực của thu nhập dịch vụ, các nguồn thu mang tính thị trường chịu áp lực đáng kể trong 6 tháng đầu năm 2026. Thu nhập kinh doanh ngoại hối toàn ngành giảm hơn 27% svck trong bối cảnh tỷ giá USD/VND dao động tương đối ổn định (chỉ tăng 0.07% trong 6T.2026, theo NHNN). Diễn biến này trái ngược với năm 2024 và 2025, khi xu hướng tăng mạnh của tỷ giá đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh ngoại hối của các ngân hàng. Thu nhập từ mua bán chứng khoán cũng sụt giảm mạnh 77% svck, khi môi trường lãi suất không thuận lợi làm hạn chế khả năng hiện thực hóa lợi nhuận đầu tư.

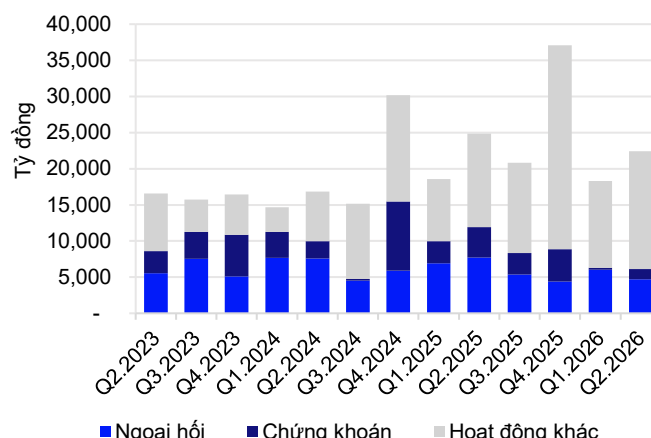
Ở chiều ngược lại, thu từ các hoạt động khác (chủ yếu đến từ thu hồi nợ xấu đã xử lý) vẫn là điểm sáng khi ghi nhận tăng trưởng 31% svck, chủ yếu đến từ mức tăng đột biến tại VCB (+171% svck). Nếu loại trừ khoản đột biến này, thu nhập khác toàn ngành vẫn tăng khoảng 13% svck, cho thấy hoạt động thu hồi nợ tiếp tục là nguồn hỗ trợ lợi nhuận các ngân hàng.

Biểu đồ 12. Diễn biến thu thuần HĐ dịch vụ, tổng hợp 27 ngân hàng niêm yết



Nguồn: S&I Ratings

Biểu đồ 13. Diễn biến thu thuần từ KD ngoại hối, chứng khoán và các HĐ khác, tổng hợp 27 ngân hàng niêm yết

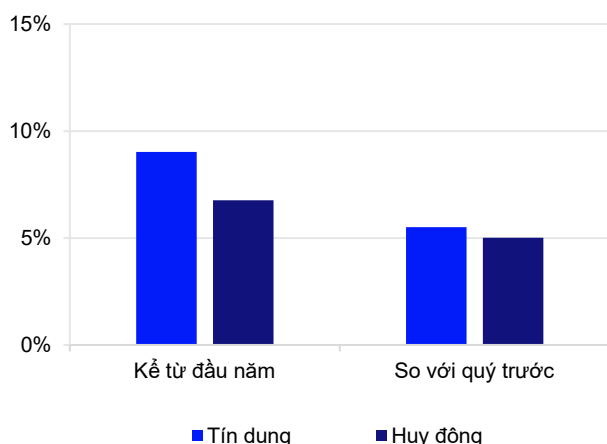


Nguồn: S&I Ratings

Nguồn huy động cải thiện trong Quý 2, nhưng áp lực về nguồn vốn và chi phí vốn tăng cao vẫn là điểm cần theo dõi

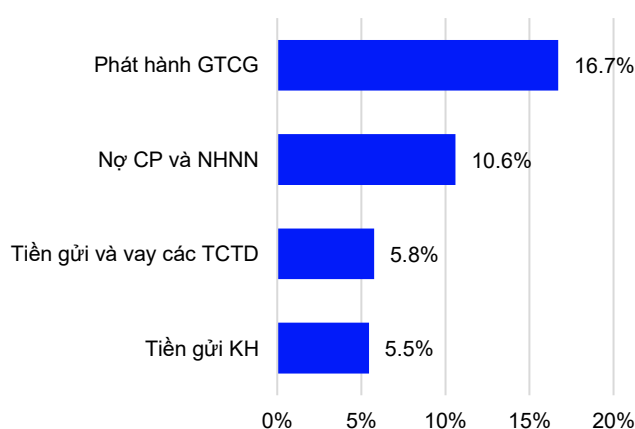
Tính đến cuối Q2.2026, tăng trưởng tín dụng tại 27 ngân hàng niêm yết tiếp tục cao hơn tiền gửi, lần lượt tăng 9% và 5.5% kể từ đầu năm. Tuy vậy, huy động từ tiền gửi khách hàng có sự cải thiện trong Quý 2 khi ghi nhận mức tăng 4.8% so với quý trước (so với chỉ 0.6% trong Q1.2026), và gần bắt kịp với tốc độ tăng của tín dụng (+5.5% so với quý trước) trong bối cảnh lãi suất tiền gửi tiết kiệm đã tăng thêm 0.5% - 1.5% kể từ đầu năm. Bên cạnh đó, quy mô phát hành giấy tờ có giá tăng 16.7% kể từ đầu năm cũng góp phần cải thiện nguồn vốn toàn ngành. Nếu tính cả kênh này, tổng nguồn huy động tăng 6.8% kể từ đầu năm. Đáng chú ý, hoạt động phát hành có xu hướng dịch chuyển sang kênh chứng chỉ tiền gửi, trong khi quy mô phát hành trái phiếu toàn ngành giảm mạnh 38.6% svck khi thanh khoản hệ thống thắt chặt, đồng thời các ngân hàng thận trọng trong việc vay nguồn vốn dài hạn với lãi suất cao. Mặt bằng lãi suất chứng chỉ tiền gửi ở mức hấp dẫn hơn, cao hơn 2-3% so với tiền gửi tiết kiệm cùng kỳ hạn, đã giúp chứng chỉ tiền gửi trở thành điểm sáng trong hoạt động huy động vốn tại nhiều ngân hàng trong 6 tháng đầu năm 2026. Mặt khác, một số ngân hàng cũng chủ động tiếp cận vốn quốc tế để nhằm dạng hóa nguồn vốn trung và dài hạn, nổi bật bao gồm VPB (1.44 tỷ USD), HDB (721 triệu USD) thông qua tiêu chuẩn về ESG/phát triển bền vững.

Biểu đồ 14. Tăng trưởng tín dụng và huy động tại cuối Q2.2026, tổng hợp 27 ngân hàng niêm yết



Nguồn: S&I Ratings

Biểu đồ 15. Tăng trưởng các cấu phần nguồn vốn kể từ đầu năm, tổng hợp 27 ngân hàng niêm yết



Nguồn: S&I Ratings

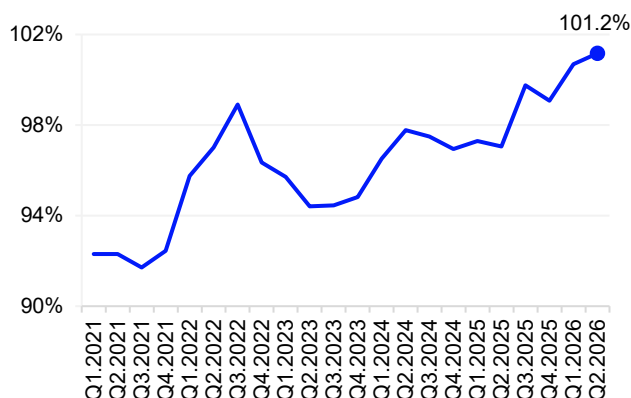
Thanh khoản hệ thống nhìn chung vẫn chịu sức ép trong 6T.2026, thể hiện qua việc lãi suất liên ngân hàng thường biến động mạnh và tăng đột biến, đồng thời lãi suất tiền gửi duy trì xu hướng tăng kể từ Q3.2025. Nhu cầu tín

dụng của nền kinh tế tăng nhanh đã đẩy mạnh nhu cầu vốn của các ngân hàng, với tỷ lệ LDR điều chỉnh tiếp tục tăng lên 101.2% tại cuối Q2.2026, từ mức 100.7% của Q1.2026 và 99.1% cuối năm 2025. Trong bối cảnh đó, hỗ trợ thanh khoản từ Kho bạc nhà nước và Ngân hàng nhà nước tiếp tục đạt mức cao kỷ lục 961 nghìn tỷ đồng, bao gồm: (1) 716 nghìn tỷ đồng tiền gửi KBNN, (2) 245 nghìn tỷ đồng bơm ròng từ nghiệp vụ OMO. Ở chiều ngược lại, bội thu ngân sách trong 6 tháng đầu năm 2026 tăng vọt lên 419 nghìn tỷ đồng (so với cùng kỳ năm 2025 là 227 nghìn tỷ đồng), trong khi tiền gửi Kho bạc nhà nước tại các ngân hàng chỉ tăng thêm 223 nghìn tỷ đồng, cho thấy một lượng lớn dòng tiền bị rút khỏi ngân hàng.

Trong nửa sau năm 2026, chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng huy động sẽ tiếp tục được cải thiện khi mặt bằng lãi suất đã tăng cao, và dòng tiền có thể quay trở lại hệ thống khi giải ngân đầu tư công tăng tốc vào cuối năm. Các thay đổi chính sách được ban hành gần đây, bao gồm Thông tư 25 (nâng tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn lên 40% từ mức 30%) và Quyết định 1743 (nâng tỷ lệ tiền gửi KBNN được tính vào LDR lên 50% từ mức 20%) cũng giúp giảm áp lực đáp ứng yêu cầu về thanh khoản. Mặc dù vậy, áp lực về nhu cầu vốn dài hạn vẫn tiếp diễn trong bối cảnh các dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia bước vào giai đoạn đầu tư tiếp theo.

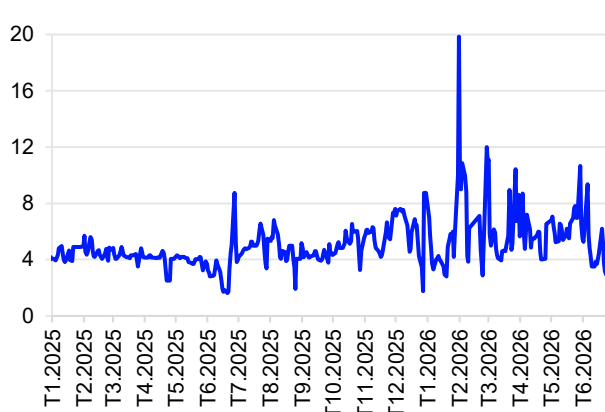
Mặt bằng lãi suất huy động có thể tiếp tục neo cao, qua đó hỗ trợ tăng trưởng tiền gửi nhưng đồng thời hạn chế dư địa giảm chi phí vốn của các ngân hàng. Ở chiều tích cực, áp lực tỷ giá đã hạ nhiệt trong thời gian gần đây, một phần nhờ cầu ngoại tệ trên thị trường tự do giảm khi các hoạt động liên quan đến vàng, tiền điện tử được kiểm soát chặt hơn. Nếu xu hướng tỷ giá hạ nhiệt tiếp diễn, NHNN sẽ có thêm dư địa điều hành trong nửa cuối năm, đặc biệt là việc tiếp tục mở rộng hỗ trợ thanh khoản và qua đó hỗ trợ lãi suất. Đây sẽ là tín hiệu quan trọng và cần được theo dõi trong những tháng tới, theo quan điểm của chúng tôi.

Biểu đồ 16. Diễn biến tỷ lệ LDR điều chỉnh, tổng hợp 27 ngân hàng niêm yết



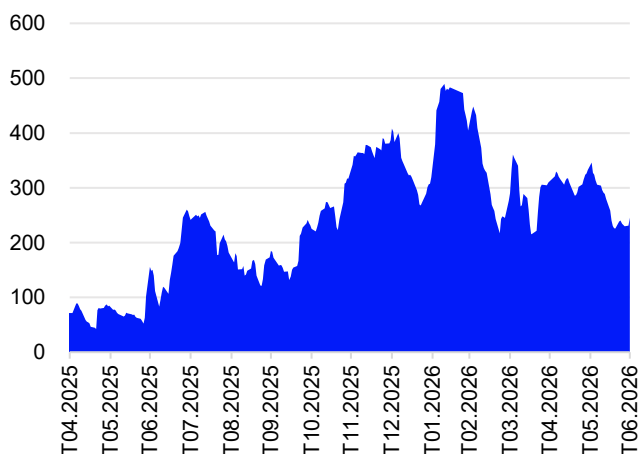
Ghi chú: LDR điều chỉnh = Tổng tín dụng / (Tiền gửi của khách hàng + Phát hành giấy tờ có giá). Nguồn: S&I Ratings

Biểu đồ 17. Diễn biến lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm (%)



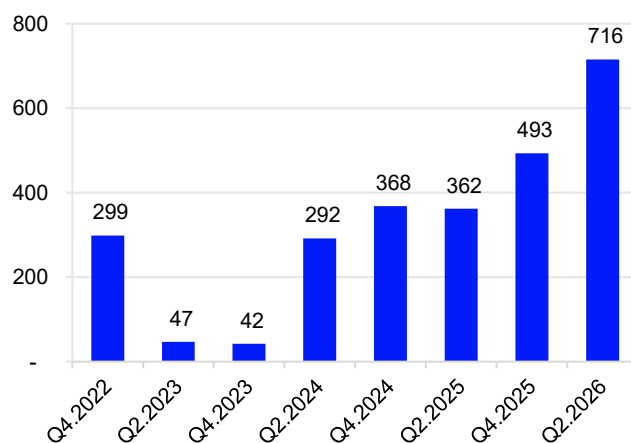
Nguồn: S&I Ratings

Biểu đồ 18. Khối lượng lưu hành OMO (nghìn tỷ)



Nguồn: S&I Ratings

Biểu đồ 19. Số dư tiền gửi Kho bạc nhà nước tại 4 ngân hàng quốc doanh (nghìn tỷ)



Nguồn: S&I Ratings

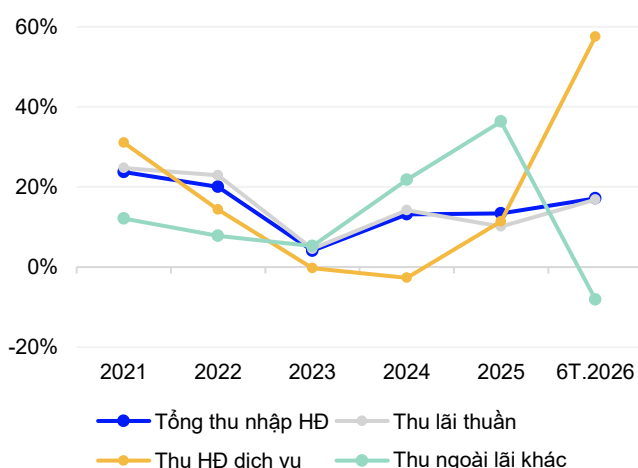
Lợi nhuận tăng trưởng tích cực, phân hóa tập trung ở các ngân hàng vừa và nhỏ

Tăng trưởng tổng thu nhập hoạt động toàn ngành 6T.2026 đạt 17.1% svck, cải thiện đáng kể so với mức 10.7% của cùng kỳ năm 2025, nhờ động lực chính từ thu nhập lãi thuần tăng 16.8% svck (cùng kỳ chỉ tăng 7.5%) và thu nhập từ hoạt động dịch vụ phục hồi mạnh mẽ (+58% svck). Trong khi đó, thu từ các hoạt kinh doanh ngoại hối và chứng khoán, giảm 8.1% svck trong bối cảnh diễn biến thị trường không thuận lợi.

Lợi nhuận trước thuế toàn ngành trong 6 tháng đầu năm tăng 19.6% svck, cao hơn tốc độ tăng của tổng thu nhập hoạt động, nhờ các ngân hàng tiếp tục kiểm soát tốt chi phí hoạt động. Theo đó, tỷ lệ CIR (trượt 4 quý) giảm từ 32.1% cuối Q4.2025 xuống 31.1% trong Q2.2026. Diễn biến này cho thấy hiệu quả hoạt động tiếp tục được cải thiện, qua đó hỗ trợ lợi nhuận các ngân hàng trong bối cảnh NIM vẫn còn chịu áp lực.

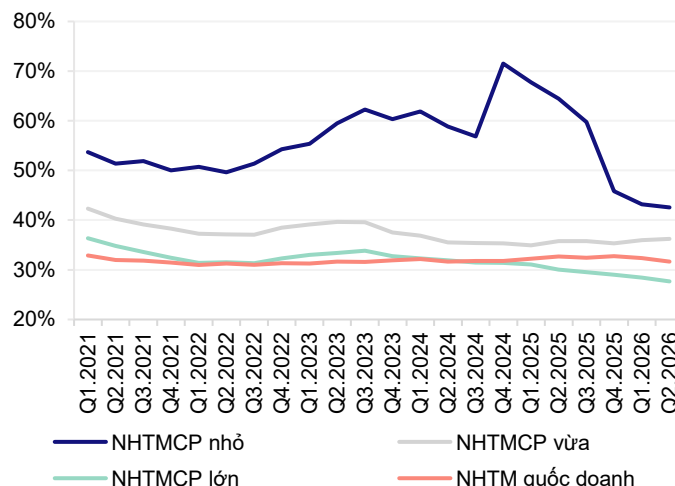
Tăng trưởng lợi nhuận có sự phân hóa, chủ yếu xuất hiện tại các ngân hàng quy mô vừa và nhỏ. Trong đó, một số ngân hàng như BVB (+486% svck), ABB (+109% svck), VBB (+83% svck) ghi nhận tăng trưởng lợi nhuận mạnh nhất chủ yếu nhờ các nguồn thu không cốt lõi tăng đột biến, trong khi lợi nhuận lại sụt giảm đáng kể tại SGB (-72% svck), SSB (-55% svck), EIB (-54% svck) và STB (-44% svck) do chi phí dự phòng tăng mạnh.

Biểu đồ 20. Tăng trưởng svck các cấu phần tổng thu nhập hoạt động



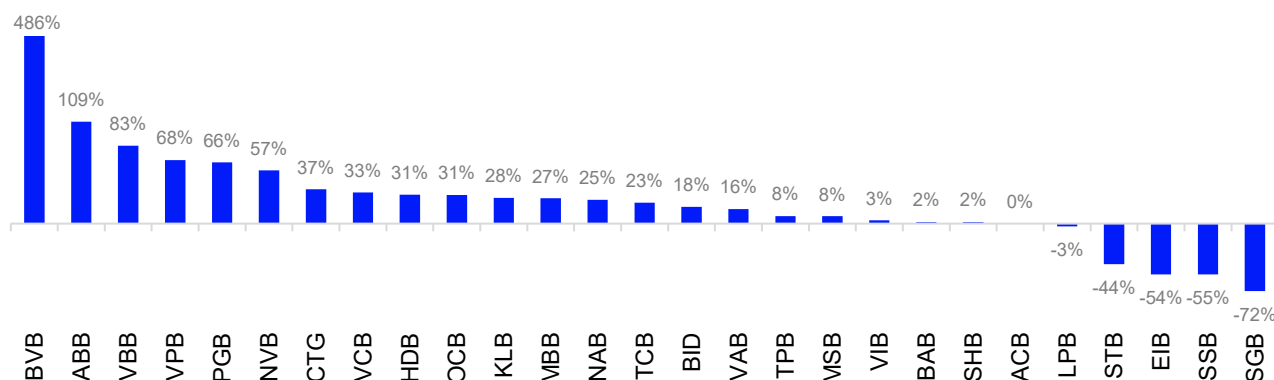
Nguồn: S&I Ratings

Biểu đồ 21. Tỷ lệ CIR (trượt 4 quý), theo nhóm ngân hàng



Nguồn: S&I Ratings

Biểu đồ 22. So sánh tăng trưởng LNTT 6 tháng đầu năm svck, 27 ngân hàng niêm yết



Nguồn: S&I Ratings

Phụ lục. Danh sách phân loại các ngân hàng

STT	Mã	Tên ngân hàng	Phân loại
1	BID	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam	NHTM Quốc doanh
2	CTG	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Công Thương Việt Nam	NHTM Quốc doanh
3	VCB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam	NHTM Quốc doanh
4	ACB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu	NHTMCP Lớn
5	HDB	Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	NHTMCP Lớn
6	MBB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội	NHTMCP Lớn
7	SHB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn - Hà Nội	NHTMCP Lớn
8	STB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Tài Lộc	NHTMCP Lớn
9	TCB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam	NHTMCP Lớn
10	VPB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng	NHTMCP Lớn
11	EIB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	NHTMCP Vừa
12	LPB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Lộc Phát Việt Nam	NHTMCP Vừa
13	MSB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Hàng Hải Việt Nam	NHTMCP Vừa
14	NAB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Nam Á	NHTMCP Vừa
15	OCB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Phương Đông	NHTMCP Vừa
16	SSB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Đông Nam Á	NHTMCP Vừa
17	TPB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Tiên Phong	NHTMCP Vừa
18	VIB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quốc Tế Việt Nam	NHTMCP Vừa
19	ABB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần An Bình	NHTMCP Nhỏ
20	BAB	Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Bắc Á	NHTMCP Nhỏ
21	BVB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Bản Việt	NHTMCP Nhỏ
22	KLB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Kiên Long	NHTMCP Nhỏ
23	NVB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quốc Dân	NHTMCP Nhỏ
24	PGB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Thịnh Vượng Và Phát Triển	NHTMCP Nhỏ
25	SGB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Công Thương	NHTMCP Nhỏ
26	VAB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Á	NHTMCP Nhỏ
27	VBB	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thương Tín	NHTMCP Nhỏ

Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm S&I

Số 1C Ngô Quyền, Phường Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện Thoại: 024 3208 1356

Miễn trừ trách nhiệm

Bất kỳ hành vi sao chép, chỉnh sửa, tái bản, truyền tải, phân phối lại, dưới bất kỳ hình thức và cách thức nào, đối với toàn bộ hoặc một phần nội dung trong báo cáo hoặc thông tin xếp hạng tín nhiệm đều bị nghiêm cấm, nếu không có sự cho phép trước bằng văn bản của S&I Ratings. Kết quả xếp hạng tín nhiệm và các đánh giá trong báo cáo là ý kiến tham khảo, không phải là khuyến nghị để mua, bán hoặc nắm giữ chứng khoán, công cụ nợ hoặc bất kỳ quyết định đầu tư nào. Trong mọi trường hợp, S&I Ratings sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại hoặc hậu quả nào từ việc ra quyết định đầu tư, trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan việc sử dụng thông tin trong báo cáo. Dữ liệu phân tích được thu thập từ tổ chức phát hành và các nguồn khác mà S&I Ratings cho rằng chính xác và đáng tin cậy. Tuy nhiên, có thể xảy ra những sai sót liên quan đến con người và/hoặc máy móc trong việc thu thập, S&I Ratings không đảm bảo tính chính xác, đầy đủ hoặc kịp thời của bất kỳ thông tin nào và sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ mất mát hoặc thiệt hại nào phát sinh từ các dữ liệu trên. Kết quả xếp hạng có thể thay đổi, thu hồi hoặc hết hiệu lực do các thông tin liên quan đến triển vọng của tổ chức phát hành và/hoặc vì nhiều yếu tố khác. Tất cả thông tin mới nhất liên quan đến kết quả xếp hạng và phương pháp đánh giá có thể tìm thấy tại Website www.sniratings.com.vn.